

UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
THANH TRA THÀNH PHỐ

Số: 2379 KLTT-TTTP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 8 năm 2026

KẾT LUẬN THANH TRA

**Công tác quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí
trong 02 năm (2023 - 2024) tại các Trường Trung học cơ sở:
Lê Lợi, Trần Hưng Đạo và Phan Châu Trinh tại xã Núi Thành**

Thực hiện Quyết định số 358/QĐ-TTTP ngày 29/5/2026 của Chánh Thanh tra thành phố Đà Nẵng về việc thanh tra công tác quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí trong 02 năm (2023 - 2024) tại các Trường Trung học cơ sở: Lê Lợi, Trần Hưng Đạo và Phan Châu Trinh tại xã Núi Thành, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại các Trường; làm việc với đơn vị, cá nhân có liên quan đến nội dung thanh tra từ ngày 08/6/2026 đến ngày 03/7/2026.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 12/BC-ĐTT ngày 20/7/2026 của Đoàn thanh tra, Báo cáo số 02/BC-TTĐ ngày 31/7/2026 kết quả thẩm định dự thảo Kết luận thanh tra của Tổ thẩm định theo Quyết định số 363/QĐ-TTTP ngày 01/6/2026, Chánh Thanh tra thành phố kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Trường Trung học cơ sở (THCS): Lê Lợi, Trần Hưng Đạo và Phan Châu Trinh là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND huyện Núi Thành (cũ) theo Quyết định số 3139/QĐ-UBND ngày 14/9/2007; chịu sự chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của UBND huyện Núi Thành về mặt hành chính, nhân sự, tài chính, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn chuyên môn của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Núi Thành. Khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND xã Núi Thành theo Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 07/7/2025, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của UBND xã Núi Thành về mặt hành chính, nhân sự, tài chính, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng. Cơ cấu tổ chức và hoạt động các Trường thực hiện theo Điều lệ Trường trung học cơ sở ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường có chức năng tổ chức dạy học; quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh; quản lý, sử dụng tài chính, tài sản được giao; thực hiện công tác phổ cập giáo dục, kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường học đạt chuẩn theo quy định; chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục; quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; phối hợp với gia đình và địa phương trong công tác giáo dục học sinh; thực hiện các nhiệm vụ khác do cơ quan quản lý cấp trên giao.

Tổng số cán bộ, viên chức, người lao động của Trường THCS Lê Lợi là 38 người (Cán bộ quản lý: 02; Giáo viên: 30; Nhân viên: 06); Trường THCS Trần Hưng Đạo là 48 người (Cán bộ quản lý: 02, Giáo viên: 40; Nhân viên: 06)

và Trường THCS Phan Châu Trinh là 31 người (Cán bộ quản lý: 02, Giáo viên: 24; Nhân viên: 05). Tổng số học sinh của các trường trong năm học 2024 - 2025 là 1.880 học sinh (Trường THCS Lê Lợi: 658 học sinh, 15 lớp học; Trường THCS Trần Hưng Đạo: 793 học sinh, 20 lớp học và Trường THCS Phan Châu Trinh: 429 học sinh, 11 lớp học).

II. KẾT QUẢ THANH TRA

Phạm vi thanh tra: theo Quyết định số 358/QĐ-TTTP ngày 29/5/2026 của Chánh Thanh tra thành phố Đà Nẵng, thời kỳ thanh tra từ năm 2023 đến năm 2024. Giới hạn của cuộc thanh tra: tình hình quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí; chứng từ, hồ sơ, sổ sách kế toán do các Trường THCS: Lê Lợi, Trần Hưng Đạo và Phan Châu Trinh cung cấp; không thẩm tra, xác minh hóa đơn, chứng từ thanh toán lưu trữ do các Trường cung cấp. Kết quả thanh tra như sau:

1. Công tác lập dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước

Hàng năm, các Trường THCS: Lê Lợi, Trần Hưng Đạo và Phan Châu Trinh đã lập báo cáo nhu cầu quỹ lương và kinh phí hoạt động; được phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Núi Thành thẩm định, UBND huyện Núi Thành phân bổ dự toán ngân sách năm 2023 và năm 2024¹ (Phụ lục I).

Qua kiểm tra nhận thấy, các Trường thực hiện lập dự toán thu, chi trong năm 2023 và năm 2024 theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, các Thông tư hướng dẫn hàng năm của Bộ Tài chính (Thông tư số 47/2022/TT-BTC ngày 29/7/2022 về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2024) và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

2. Công tác quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí trong 02 năm (2023 - 2024)

Tổng hợp tình hình kinh phí; sử dụng và quyết toán kinh phí trong 02 năm (2023-2024) của 03 Trường (Phụ lục II; Phụ lục III).

a) Quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách cấp

Qua kiểm tra nhận thấy, Trường THCS: Lê Lợi, Trần Hưng Đạo và Phan Châu Trinh phản ánh, theo dõi đầy đủ các nguồn kinh phí; quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí cơ bản đảm bảo quy định, theo đúng dự toán được duyệt (kể cả nguồn kinh phí cấp bổ sung); nội dung chi đảm bảo theo Quy chế chi tiêu nội bộ đã được ban hành. Tuy nhiên còn một số tồn tại, hạn chế sau:

*** Trường THCS Lê Lợi**

- Hầu hết chứng từ thanh toán tiền công tác phí là Giấy đi đường không có

¹ Quyết định Số 10300/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND huyện Núi Thành về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - Xã hội và dự toán NSNN năm 2023 và các Quyết định giao dự toán bổ sung trong năm 2023; Quyết định số 11379/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện Núi Thành về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2024 và các Quyết định giao dự toán bổ sung trong năm 2024

xác nhận ngày đi, ngày về của đơn vị.

- Chi tiền tổ chức Hội khỏe Phù Đổng cấp trường số tiền 7.960.000 đồng (Phiếu chi số 79 ngày 22/12/2023), trong đó có số tiền 3.160.000 đồng chi cho Tổ trọng tài, Ban Tổ chức chưa đảm bảo theo quy định tại Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của HĐND tỉnh Quảng Nam quy định một số nội dung, mức chi tổ chức các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND ngày 22/7/2021).

*** Trường THCS Trần Hưng Đạo**

- Chuyển khoản tiền nước uống cho cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường không đúng quy định số tiền 4.200.000 đồng (Giấy rút dự toán ngân sách số 44 ngày 04/5/2023).

- Giấy rút dự toán ngân sách số 171 ngày 26/12/2024 chuyển thanh toán tiền thi công, cung cấp, lắp đặt đèn led full màu ngoài trời cho Công ty TNHH DBK QN số tiền 37.030.000 đồng, qua kiểm tra cho thấy hồ sơ chọn lựa đơn vị cung cấp, hồ sơ liên quan không thể hiện về kích thước bảng led; không có các thông số kỹ thuật đối với hệ thống đèn led đã nghiệm thu thanh toán.

- Chi tiền tổ chức Hội khỏe Phù Đổng cấp trường số tiền 9.390.000 đồng (Phiếu chi số 53 ngày 22/12/2023), trong đó có số tiền 5.150.000 đồng (chi cho Tổ trọng tài số tiền 4.750.000 đồng và chi cho Tổ phục vụ số tiền 400.000 đồng) chưa đảm bảo quy định tại Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND ngày 22/7/2021.

- Hầu hết chứng từ thanh toán công tác phí là Giấy đi đường không được xác nhận ngày đi, ngày về của đơn vị.

*** Trường THCS Phan Châu Trinh**

- Chi tiền tổ chức Hội khỏe Phù Đổng cấp trường số tiền 6.970.000 đồng (Phiếu chi số 60 ngày 03/12/2023), trong đó có số tiền 4.570.000 đồng chi cho Tổ trọng tài, Ban Tổ chức chưa đảm bảo theo quy định tại Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND ngày 22/7/2021.

- Hầu hết chi thanh toán tiền công tác phí, chứng từ thanh toán là Giấy đi đường nhưng không được xác nhận ngày đi, ngày về của đơn vị.

Ngoài ra, qua kiểm tra cho thấy, trong 02 năm (2023-2024), kinh phí được cấp tại các Trường có tăng so với dự toán giao đầu năm do bổ sung thực hiện các nội dung như: bổ sung quỹ lương; thực hiện chính sách hỗ trợ đối với học sinh; thực hiện mua phần mềm quản lý thiết bị trường học, quản lý các khoản thu; bổ sung quỹ tiền thưởng..., cụ thể:

*** Trường THCS Lê Lợi**

- Năm 2023, kinh phí tăng so với dự toán giao đầu năm tổng số tiền 601.392.000 đồng, do bổ sung thực hiện các nội dung, trong đó kinh phí quỹ lương: 87.781.000 đồng; kinh phí cải cách tiền lương (CCTL): 165.528.000



đồng²; kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đối với học sinh theo Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của HĐND tỉnh Quảng Nam quy định chính sách hỗ trợ đối với trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số; học sinh, sinh viên khuyết tật đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2021-2026 (viết tắt là Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND): 4.920.000 đồng; kinh phí sơn lại phòng học, khu hiệu bộ, cầu thang, tường rào cổng ngõ...: 224.000.000 đồng; kinh phí thực hiện phát triển văn hóa đọc: 96.848.000 đồng; kinh phí cấp bù học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (viết tắt là Nghị định số 81/2021/NĐ-CP): 315.000 đồng và kinh phí hỗ trợ mua phần mềm quản lý thiết bị trường học, quản lý các khoản thu: 22.000.000 đồng.

- Năm 2024, bổ sung, điều chỉnh số tiền 1.275.391.000 đồng, gồm: kinh phí quỹ lương: 962.264.000 đồng, kinh phí thực hiện kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên: 21.855.000 đồng; kinh phí thực hiện hợp đồng chuyên môn: 27.049.000 đồng; kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đối với học sinh theo Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND: 10.620.000 đồng; kinh phí cấp bù học phí: 363.000 đồng; bổ sung kinh phí hỗ trợ học phí: 47.448.000 đồng; kinh phí lựa chọn sách giáo khoa: 14.036.000 đồng; bổ sung quỹ tiền thưởng: 205.756.000 đồng và điều chỉnh kinh phí tiết kiệm 5%: (-14.000.000 đồng).

*** Trường THCS Trần Hưng Đạo**

- Năm 2023, kinh phí tăng so với dự toán giao đầu năm tổng số tiền 356.158.000 do bổ sung thực hiện các nội dung, trong đó kinh phí quỹ lương: 100.969.000 đồng; kinh phí cải cách tiền lương: 97.036.000 đồng³; kinh phí sửa chữa trường lớp học: 90.500.000 đồng; hợp đồng chuyên môn: 52.018.000 đồng; kinh phí cấp bù học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 4.635.000 đồng và kinh phí hỗ trợ mua phần mềm quản lý thiết bị trường học: 11.000.000 đồng.

- Năm 2024, bổ sung, điều chỉnh số tiền 1.172.833.000 đồng, gồm: kinh phí quỹ lương: 912.409.000 đồng, kinh phí hỗ trợ học sinh khuyết tật: 6.260.000 đồng; kinh phí bổ sung thực hiện chính sách hỗ trợ đối với học sinh theo Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của HĐND tỉnh Quảng Nam: 960.000 đồng; kinh phí cấp bù học phí: 1.065.000 đồng; kinh phí bổ sung thực hiện chính sách hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 26/2024/NQ-HĐND ngày

² Nhu cầu CCTL năm 2023 đã tính tiết kiệm 10% chi thường xuyên: 95.739.000 đồng; 40% nguồn thu học phí năm 2023: 67.054.000 đồng. Nguồn CCTL bổ sung năm 2023 là 237.090.000 đồng, điều chỉnh giảm 71.562.000 đồng, số thực tế sau khi điều chỉnh 165.528.000 đồng (Quyết định số 9906/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND huyện Núi Thành về việc điều chỉnh, bổ sung kinh phí cho các đơn vị năm 2023, trong đó có điều chỉnh quỹ lương, nguồn cải cách tiền lương).

³ Nhu cầu CCTL năm 2023 đã tính tiết kiệm 10% chi thường xuyên: 107.129.000 đồng; 40% nguồn thu học phí năm 2023: 82.020.000 đồng. Nguồn CCTL bổ sung năm 2023 là 177.229.000 đồng, điều chỉnh giảm 80.193.000 đồng, số thực tế sau khi điều chỉnh 97.036.000 đồng.

26/9/2024 của HĐND tỉnh Quảng Nam: 57.672.000 đồng; kinh phí lựa chọn sách giáo khoa: 14.036.000 đồng; kinh phí thực hiện kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên⁴: 29.610.000 đồng; bổ sung quỹ tiền thưởng: 210.109.000 đồng; điều chỉnh kinh phí tiết kiệm 5%: (-17.000.000 đồng) và điều chỉnh giảm kinh phí hợp đồng chuyên môn: (-42.288.000 đồng).

*** Trường THCS Phan Châu Trinh**

- Năm 2023, kinh phí tăng so với dự toán giao đầu năm tổng số tiền 243.037.000 đồng do bổ sung thực hiện các nội dung, trong đó kinh phí quỹ lương: 46.889.000 đồng; kinh phí cải cách tiền lương: 183.588.000 đồng⁵; kinh phí bổ sung⁶ thực hiện chính sách hỗ trợ đối với học sinh khuyết tật theo Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của HĐND tỉnh Quảng Nam: 1.560.000 đồng và kinh phí hỗ trợ mua phần mềm quản lý thiết bị trường học: 11.000.000 đồng.

- Năm 2024, bổ sung, điều chỉnh số tiền 925.063.000 đồng, gồm: kinh phí quỹ lương: 695.907.000 đồng; kinh phí bổ sung⁷ thực hiện chính sách hỗ trợ đối với học sinh theo Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của HĐND tỉnh Quảng Nam: 3.420.000 đồng; kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 26/2024/NQ-HĐND ngày 26/9/2024 của HĐND tỉnh Quảng Nam: 33.768.000 đồng; kinh phí lựa chọn sách giáo khoa: 14.036.000 đồng; kinh phí thực hiện kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên: 17.625.000 đồng; bổ sung quỹ tiền thưởng: 174.307.000 đồng và điều chỉnh kinh phí tiết kiệm 5%: (-14.000.000 đồng).

b) Công tác quản lý, sử dụng nguồn thu học phí (kể cả cấp bù)

Qua kiểm tra nhận thấy, các Trường THCS: Lê Lợi, Trần Hưng Đạo và Phan Châu Trinh thực hiện thu học phí các năm học theo mức 30.000 đồng/học sinh/tháng (9 tháng/năm học) theo quy định tại Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐND ngày 14/10/2022 (năm học 2022-2023) và Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 23/9/2023 (năm học 2023-2024) của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam⁸; ban hành Quy chế quản lý sử dụng nguồn thu học phí năm học 2022-2023 và năm học 2023-2024⁹; thành lập hội đồng xét duyệt học sinh thuộc diện

⁴ Quyết định số 3705/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của UBND huyện Núi Thành

⁵ Nhu cầu CCTL năm 2023 đã tính tiết kiệm 10% chi thường xuyên: 79.789.000 đồng; 40% nguồn thu học phí năm 2023: 38.124.000 đồng. Nguồn CCTL bổ sung năm 2023 là 230.652.000 đồng, điều chỉnh giảm 47.064.000 đồng, số thực tế sau khi điều chỉnh 183.588.000 đồng.

⁶ Quyết định số 11456/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của UBND huyện Núi Thành.

⁷ Quyết định số 8257/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 của UBND huyện Núi Thành.

⁸ Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐND ngày 14/10/2022 (năm học 2022-2023) và Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 23/9/2023 (năm học 2023-2024) của HĐND tỉnh Quảng Nam về qui định mức thu học phí và chính sách hỗ trợ học phí đối với trẻ em Mầm non, học sinh phổ thông tại các cơ sở giáo dục Mầm non và giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

⁹ Quyết định số 48/QĐ-LL ngày 21/10/2022; Quyết định số 61/QĐ-LL ngày 27/9/2023 của Trường THCS Lê Lợi; Quyết định số 105/QĐ-THCSPCT ngày 15/9/2022; Quyết định số 122/QĐ-THCSPCT ngày 08/9/2023 của Trường THCS Phan Châu Trinh; Quyết định số 35/QĐ-THĐ ngày 06/9/2023; Quyết định số 38/QĐ-THĐ ngày 10/9/2024 của Trường THCS Trần Hưng Đạo.

miễn giảm tiền học phí¹⁰ theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ. Công tác quản lý nguồn thu học phí và thực hiện chính sách miễn, giảm học phí tại các Trường được thực hiện đúng quy định, đúng đối tượng, có đầy đủ các hồ sơ, chứng từ (Biên lai thu học phí; Đơn đề nghị miễn, giảm học phí; Giấy chứng nhận hộ nghèo, cận nghèo, tai nạn lao động và các chứng từ khác của đối tượng được hưởng chế độ...). Số tiền thu học phí trực tiếp từ học sinh, các Trường đã nộp vào tài khoản tiền gửi (TK 3716: Tiền gửi học phí) mở tại Kho bạc Nhà nước huyện Núi Thành. Nguồn thu học phí được quản lý, sử dụng đúng mục đích, đúng quy định của Nhà nước và các văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền. Việc sử dụng nguồn thu đảm bảo công khai, minh bạch, có đầy đủ chứng từ, sổ sách kế toán và được theo dõi hạch toán theo quy định; nguồn thu học phí được sử dụng để chi cho các hoạt động phục vụ trực tiếp công tác giảng dạy, học tập, chi mua sắm, sửa chữa trang thiết bị phục vụ dạy học.

3. Về nguồn thu khác

Tình hình thu, sử dụng nguồn thu khác tại 03 Trường trong năm 2023 và năm 2024 (Phụ lục IV).

Qua kiểm tra cho thấy, trong 02 năm (2023-2024), các Trường THCS: Lê Lợi, Trần Hưng Đạo và Phan Châu Trinh quản lý, sử dụng các nguồn thu khác (tiền chăm sóc sức khỏe ban đầu được trích lại; Quỹ khuyến học; Quỹ đội; Quỹ chữ thập đỏ) theo quy định¹¹, các khoản chi đều có chứng từ đầy đủ; nội dung chi phù hợp với tính chất nguồn thu.

4. Về xây dựng và thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công

a) Về xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ

Qua kiểm tra nhận thấy: Các Trường đã xây dựng nội dung Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023, năm 2024¹² cơ bản đảm bảo quy định tại Điều 11 Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; phù hợp với yêu cầu

¹⁰ Quyết định số 33/QĐ-LL ngày 10/10/2023; Quyết định số 31/QĐ-LL ngày 07/10/2024 của Trường THCS Lê Lợi; Quyết định số 20/QĐ-THCSPCT ngày 05/10/2022; Quyết định số 185/QĐ-THCSPCT ngày 05/10/2023 của Trường THCS Phan Châu Trinh; Quyết định số 34/QĐ-THĐ ngày 07/10/2023; Quyết định số 40/QĐ-THĐ ngày 07/10/2024 của Trường THCS Trần Hưng Đạo.

¹¹ Thông tư liên tịch số 41/2014/TTLT-BYT-BTC ngày 24/11/2014 của Bộ Y tế và Bộ Tài chính (nguồn trích chăm sóc sức khỏe ban đầu). Hướng dẫn số 01-HD/LT ngày 31/12/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn và Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Nam; Hướng dẫn số 02-KH/LT ngày 10/01/2023 của Huyện Đoàn và Phòng GD&ĐT huyện Núi Thành về quản lý thu, chi và sử dụng quỹ đội Thanh niên tiên phong Hồ Chí Minh huyện Núi Thành giai đoạn 2023 -2027. Công văn số 34/HKH ngày 14/7/2006 của Hội Khuyến học huyện Núi Thành V/v hướng dẫn thu, chi quỹ khuyến học. Thông tư số 07/2014/TT-BGDĐT ngày 14/3/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về hoạt động Chữ thập đỏ trong trường học, theo đó các trường thành lập Chi hội Chữ thập đỏ, nguồn thu vận động nhằm mục đích giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, thăm hỏi học sinh ốm đau, hỗ trợ khó khăn đột xuất trong cuộc sống.

¹² Quyết định số 01/QĐ-LL ngày 12/01/2023; Quyết định số 01/QĐ-LL ngày 12/01/2024 của Trường THCS Lê Lợi; Quyết định số 11/QĐ-THCSPCT ngày 01/2/2023; Quyết định số 13/QĐ-THCSPCT ngày 01/2/2024 của Trường THCS Phan Châu Trinh; Quyết định số 01/QĐ-THĐ ngày 16/01/2023; Quyết định số 01/QĐ-THĐ ngày 05/01/2024 của Trường THCS Trần Hưng Đạo.

của mẫu Phụ lục số 05 (Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính). Trong 02 năm (2023-2024), ngoài việc thực hiện mua sắm, sửa chữa trang thiết bị dạy học đảm bảo phục vụ công tác dạy và học tại đơn vị, các Trường đã chủ động được nguồn kinh phí cấp (nguồn chi thường xuyên), thực hiện tốt quy chế chi tiêu nội bộ, tiết kiệm các khoản chi để chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, viên chức, người lao động tại đơn vị¹³. Tuy nhiên, việc xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023, năm 2024 của Trường THCS Lê Lợi; Trường THCS Trần Hưng Đạo căn cứ vào các văn bản hết hiệu lực pháp luật (Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 của Chính phủ, Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/08/2006 của Bộ Tài chính). Trong giai đoạn 2023 - 2024, quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo hướng dẫn tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ, Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính.

b) Về Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công

Trong 02 năm (2023 - 2024) các trường THCS: Lê Lợi, Trần Hưng Đạo và Phan Châu Trinh xây dựng, ban hành Quy chế quản lý tài sản công¹⁴ đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Các Trường thực hiện kiểm kê tài sản cố định hằng năm; phản ánh, theo dõi đầy đủ tài sản cố định, công cụ theo quy định.

5. Công tác kế toán, quyết toán ngân sách nhà nước

Việc mở sổ kế toán, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, lập Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động trong 02 năm (2023 - 2024) tại các Trường THCS: Lê Lợi, Trần Hưng Đạo và Phan Châu Trinh cơ bản đảm bảo với các quy định của chế độ kế toán và quyết toán ngân sách tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp. Việc sử dụng ngân sách, nguồn thu học phí, số liệu quyết toán có đối chiếu, xác nhận của Kho bạc nhà nước; được Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Núi Thành kiểm tra, xét duyệt quyết toán. Tuy nhiên, sổ sách kế toán tại Trường THCS Phan Châu Trinh chưa phản ánh, cập nhật đầy đủ liên quan đến nguồn chi hộ số tiền 8.780.000 đồng (Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Núi Thành hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh khuyết tật theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ và chi tham gia thi đấu giải thể thao học sinh phổ thông tỉnh Quảng Nam); Kế toán đơn vị lập danh sách chi

¹³ Trường THCS Lê Lợi số tiền 275.926.379 đồng (Năm 2023: 124.692.525 đồng và năm 2024: 151.233.854 đồng); Trường THCS Trần Hưng Đạo số tiền 223.582.688 đồng (Năm 2023: 106.065.267 đồng và năm 2024: 117.517.421 đồng) và Trường THCS Phan Châu Trinh số tiền 145.903.663 đồng (Năm 2023: 77.213.102 đồng và năm 2024: 68.690.561 đồng).

¹⁴ Quyết định số 13/QĐ-LL ngày 18/01/2023 và được điều chỉnh bổ sung tại Quyết định số 44/QĐ-LL ngày 5/9/2024 của Trường THCS Lê Lợi; Quyết định số 12/QĐ-THCSPCT ngày 10/01/2023 và Quyết định số 60/QĐ-THCSPCT ngày 03/4/2024 của Trường THCS Phan Châu Trinh; Quyết định số 03/QĐ-THCSTHĐ ngày 20/01/2023 và Quyết định số 03/QĐ-THĐ ngày 20/01/2024 của Trường THCS Trần Hưng Đạo

tiền và ký nhận số tiền 8.780.000 đồng (chi phí học tập cho học sinh khuyết tật: 6.750.000 đồng và chi tham gia thi đấu giải thể thao học sinh phổ thông tỉnh Quảng Nam: 2.030.000 đồng) nhưng không lập phiếu thu, phiếu chi, nhập quỹ theo quy định.

6. Về thực hiện công khai tài chính

Các Trường THCS: Lê Lợi, Trần Hưng Đạo và Phan Châu Trinh thực hiện công khai dự toán năm 2023, năm 2024; quyết toán năm 2023 và năm 2024 theo quy định tại điểm b khoản 1; điểm b, khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 3 Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

III. KẾT LUẬN

1. Kết quả đạt được

Công tác quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí; quản lý, sử dụng tài sản công tại các Trường THCS: Lê Lợi, Trần Hưng Đạo và Phan Châu Trinh cơ bản đảm bảo theo quy định của Luật ngân sách; Luật quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn. Công tác kế toán; lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán trong 02 năm (2023-2024) cơ bản đúng theo quy định của Luật Kế toán năm 2015; Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp. Thực hiện công khai dự toán, quyết toán theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017. Việc chi trả tiền lương được thanh toán đầy đủ, kịp thời, không để xảy ra tình trạng nợ lương. Các khoản trích nộp theo lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp ...) được thực hiện theo quy định.

2. Tồn tại, hạn chế

- Một số khoản chi thanh toán chứng từ chưa đảm bảo quy định, chưa chặt chẽ về lập chứng từ kế toán theo quy định của Luật Kế toán năm 2015; điều kiện để thanh toán công tác phí theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài Chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu: Thanh toán tiền công tác phí là Giấy đi đường không có xác nhận ngày đi, ngày về của đơn vị (Trường THCS: Lê Lợi, Trần Hưng Đạo và Phan Châu Trinh). Thanh toán tiền thi công, cung cấp, lắp đặt đèn led full màu ngoài trời nhưng hồ sơ không thể hiện về kích thước, thông số kỹ thuật đối với hệ thống đèn led (Trường THCS Trần Hưng Đạo).

- Chi cho Tổ trọng tài, Ban Tổ chức Hội khỏe Phù Đồng cấp trường chưa đảm bảo theo quy định tại Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 (Trường THCS Lê Lợi: 3.160.000 đồng; Trường THCS Phan Châu Trinh: 4.570.000 đồng; Trường THCS Trần Hưng Đạo: 5.150.000 đồng); thanh toán khoản tiền nước uống cho cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường không đúng quy định số tiền 4.200.000 đồng (Trường THCS Trần Hưng Đạo). Tuy nhiên qua kiểm tra cho thấy, năm 2023 các Trường đã vận dụng Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 để chi cho Tổ trọng tài, Ban Tổ chức Hội khỏe Phù Đồng cấp trường; các khoản chi này thực tế chi cho các cá nhân phục vụ phong trào, phục vụ giảng dạy, do vậy Đoàn thanh tra kiến nghị chấn chỉnh đối với các khoản chi nêu trên.

- Xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023, năm 2024 căn cứ vào các văn bản hết hiệu lực pháp luật (Trường THCS: Lê Lợi, Trần Hưng Đạo).

- Kế toán Trường THCS Phan Châu Trinh không lập phiếu thu, phiếu chi, nhập quỹ tiền mặt đối với nguồn chi hộ kinh phí hỗ trợ học tập cho học sinh khuyết tật và tham gia thi đấu giải thể thao học sinh phổ thông tỉnh Quảng Nam được rút về từ tài khoản tiền gửi.

Những tồn tại, hạn chế nêu trên trách nhiệm thuộc về Hiệu trưởng, Kế toán Trường THCS: Lê Lợi, Trần Hưng Đạo và Phan Châu Trinh.

IV. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Trên cơ sở kết quả thanh tra và kết luận các nội dung nêu trên Chánh Thanh tra thành phố kiến nghị như sau:

Đối với các Trường THCS: Lê Lợi, Trần Hưng Đạo, Phan Châu Trinh:

- Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong công tác quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí trong 02 năm (2023 - 2024) tại từng đơn vị liên quan đến các khoản chi thanh toán có chứng từ chưa đảm bảo theo quy định, chưa chặt chẽ; chi thanh toán chưa đúng quy định ... và tồn tại trong công tác kế toán được nêu tại mục 2 phần III Kết luận thanh tra.

- Tiếp tục tăng cường công tác quản lý tài chính, sử dụng kinh phí đúng quy định, tiết kiệm và hiệu quả. Nâng cao chất lượng lập dự toán, dự báo nhu cầu chi để hạn chế việc điều chỉnh, bổ sung trong năm. Tăng cường kiểm tra nội bộ về tiền lương, phụ cấp để việc chi trả tiền lương đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Thực hiện kiểm tra, đối chiếu chứng từ, bảo đảm tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ thanh toán; cập nhật kịp thời các văn bản hiện hành để thực hiện đảm bảo theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày công khai Kết luận thanh tra, căn cứ nội dung trong Kết luận thanh tra, các Trường THCS: Lê Lợi, Trần Hưng Đạo, Phan Châu Trinh và các cá nhân có liên quan đến nội dung Kết luận thanh tra triển khai thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện (bằng văn bản) về Thanh tra thành

phố Đà Nẵng.

Trên đây là Kết luận thanh tra công tác quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí trong 02 năm (2023 - 2024) tại các Trường Trung học cơ sở: Lê Lợi, Trần Hưng Đạo và Phan Châu Trinh tại xã Núi Thành. Thanh tra thành phố Đà Nẵng đề nghị Hiệu trưởng các trường THCS: Lê Lợi, Trần Hưng Đạo và Phan Châu Trinh, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện (bằng văn bản) về Thanh tra thành phố Đà Nẵng theo quy định. /

Nơi nhận:

- Thanh tra Chính phủ (b/cáo);
- TTHĐND và UBND thành phố (b/cáo);
- UBKT Thành ủy (theo dõi);
- Ban Nội chính Thành ủy (theo dõi);
- UBND xã Núi Thành (để biết);
- Trường THCS Lê Lợi (th/hiện);
- Trường THCS Phan Châu Trinh (th/hiện);
- Trường THCS Trần Hưng Đạo (th/hiện)
- Lưu: VT, ĐTT, GS,KT,TĐ&XLSTT.



CHÁNH THANH TRA

Tô Văn Hùng



Phụ lục I:
DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Kết luận thanh tra số: 2379/KLTT-TTTP ngày 05 tháng 8 năm 2026
của Chánh Thanh tra thành phố Đà Nẵng)

Đ.V.T: đồng

STT	Diễn giải	Năm	
		2023	2024
A	TRƯỜNG THCS LÊ LỢI		
I	Dự toán thu	5.441.777.000	6.388.434.000
1	Nguồn thu học phí (tạm tính)	90.000.000	90.000.000
2	Nguồn thu do ngân sách cấp	5.351.777.000	6.298.434.000
	- Kinh phí tự chủ (bao gồm kinh phí CCTL)	5.303.522.000	6.274.080.000
	- Kinh phí không tự chủ	48.255.000	24.354.000
II	Dự toán chi	5.441.777.000	6.298.434.000
1	Kinh phí chi nhiệm vụ thường xuyên	5.393.522.000	6.274.080.000
	* Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	4.346.134.000	5.246.918.000
	* Kinh phí hoạt động thường xuyên	1.047.388.000	1.027.162.000
	- Trích 10% thực hiện cải cách tiền lương	95.738.000	102.716.200
	- Lương Nhân viên bảo vệ	69.336.852	132.372.000
	- Chi mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất, thiết bị dạy học	237.693.944	198.018.450
	- Trích 10% bồi dưỡng học sinh giỏi, dạy phụ đạo học sinh yếu	79.231.315	79.207.380
	- Chi hoạt động	565.387.889	514.847.970
2	Chi thực hiện một số nhiệm vụ (nguồn không tự chủ)	48.255.000	24.354.000
	- Kinh phí thực hiện Nghị định số 81/2021/NĐ -CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ	2.025.000	2.754.000
	- Kinh phí thực hiện Nghị quyết 27/2021/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của HĐND tỉnh Quảng Nam	11.280.000	9.600.000
	- Kinh phí kiểm định chất lượng	20.000.000	
	- Phần mềm quản lý ngân sách, tiền lương, tài sản, kế toán	14.950.000	12.000.000
B	TRƯỜNG THCS TRẦN HƯNG ĐẠO		

Handwritten signature

I	Dự toán thu	5.955.013.000	7.297.029.000
1	Nguồn thu học phí (tạm tính)	126.198.000	127.656.000
2	Nguồn thu do ngân sách cấp	5.828.815.000	7.169.373.000
	- Kinh phí tự chủ	5.792.150.000	7.073.035.000
	- Kinh phí không tự chủ	36.665.000	96.338.000
II	Dự toán chi	5.955.013.000	7.297.029.000
1	Kinh phí chi nhiệm vụ thường xuyên	5.918.348.000	7.200.691.000
	* Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	4.720.865.000	5.910.459.000
	* Kinh phí hoạt động thường xuyên	1.197.483.000	1.290.232.000
	- Trích 10% tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	107.129.000	103.020.000
	- Lương Nhân viên bảo vệ	60.948.000	132.372.000
	- Chi mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất, thiết bị dạy học	270.962.400	182.789.280
	- Trích 10% bồi dưỡng học sinh giỏi, dạy phụ đạo học sinh yếu	90.320.800	116.257.600
	- Chi hoạt động	668.122.800	755.793.120
2	Chi thực hiện một số nhiệm vụ (nguồn không tự chủ)	36.665.000	96.338.000
	- Kinh phí hỗ trợ cho học sinh khuyết tật theo TTLT số 42/2013/TTLT-BGD&ĐT-BLĐTBXH-BTC	6.460.000	13.960.000
	- Kinh phí thực hiện Nghị định số 81/2021/NĐ -CP ngày 28/7/2021 của Chính phủ	4.455.000	4.860.000
	- Kinh phí thực hiện Nghị quyết 27/2021/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của HĐND tỉnh Quảng Nam	10.800.000	13.500.000
	- Phần mềm quản lý ngân sách, tiền lương, tài sản, kế toán	14.950.000	12.000.000
	- Kinh phí thực hiện hợp đồng chuyên môn (theo Quyết định số 1544 của UBND tỉnh)		52.018.000
C	TRƯỜNG THCS PHAN CHÂU TRINH		
I	Dự toán thu	4.898.440.000	5.747.257.000
1	Nguồn thu học phí (tạm tính)	100.000.000	70.000.000
2	Nguồn thu do ngân sách cấp	4.798.440.000	5.677.257.000
	- Kinh phí tự chủ	4.765.460.000	5.651.322.000

	- Kinh phí không tự chủ	32.980.000	25.935.000
II	Dự toán chi		
1	Kinh phí chi nhiệm vụ thường xuyên	4.865.460.000	5.721.322.000
	* Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	3.967.572.000	3.967.572.000
	* Kinh phí hoạt động thường xuyên	897.888.000	1.753.750.000
	- Trích 10% tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	79.788.800	75.853.000
	- Kinh phí thực hiện CCTL ngân sách cấp		750.447.000
	- Lương Nhân viên bảo vệ	57.191.524	108.360.000
	- Chi mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất, thiết bị dạy học	187.103.000	201.551.000
	- Trích 11% bồi dưỡng học sinh giỏi, dạy phụ đạo học sinh yếu	66.090.768	73.902.114
	- Chi hoạt động	507.713.908	543.636.886
2	Chi thực hiện một số nhiệm vụ (nguồn không tự chủ)	32.980.000	25.935.000
	- Kinh phí thực hiện Nghị định số 81/2021/NĐ -CP ngày 28/7/2021 của Chính phủ	6.750.000	2.655.000
	- Kinh phí thực hiện Nghị quyết 27/2021/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của HĐND tỉnh Quảng Nam	11.280.000	11.280.000
	- Phần mềm quản lý ngân sách, tiền lương, tài sản, kế toán	14.950.000	12.000.000

Ước tính



Phụ lục II:

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH SỬ DỤNG CÁC NGUỒN KINH PHÍ TRONG 02 NĂM (2023-2024)

(Kèm theo Kết luận thanh tra số: ~~2379~~ **2379**/KLTT-TTTP ngày ~~05~~ **05** tháng 8 năm 2026
của Chánh Thanh tra thành phố Đà Nẵng)

Đ.V.T: đồng

Stt	Nguồn kinh phí	Năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	Kinh phí được cấp bổ sung, điều chỉnh trong năm; thu học phí trong năm	Nguồn kinh phí được sử dụng trong năm	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	Kinh phí còn lại		
							Tổng	Chuyển sang năm sau	Hủy
A	TRƯỜNG THCS LÊ LỢI								
I	NĂM 2023	126.978.526	5.351.777.000	768.837.000	6.247.592.526	6.235.578.163	12.014.363	338.363	11.676.000
1	Kinh phí NSNN cấp	95.853.000	5.351.777.000	601.392.000	6.049.022.000	6.037.346.000	11.676.000	0	11.676.000
	- Kinh phí thường xuyên (MN 13)		5.207.783.000	87.781.000	5.295.564.000	5.295.564.000	0	0	0
	- Kinh phí không thường xuyên		48.255.000	348.083.000	396.338.000	384.662.000	11.676.000	0	11.676.000
	+ Nguồn 12		48.255.000	224.000.000	272.255.000	260.579.000	11.676.000		11.676.000
	+ Nguồn 15			124.083.000	124.083.000	124.083.000			
	- Kinh phí CCTL (MN14)	95.853.000	95.739.000	165.528.000	357.120.000	357.120.000	0		
2	Nguồn thu được để lại	31.125.526		167.445.000	198.570.526	198.232.163	338.363	338.363	0
	Thu học phí (kể cả cấp bù)	31.125.526		167.445.000	198.570.526	198.232.163	338.363	338.363	
II	NĂM 2024	338.363	6.298.434.000	1.444.909.000	7.743.681.363	7.739.563.426	4.117.937	2.479.460	0
1	Kinh phí NSNN cấp	0	6.298.434.000	1.275.391.000	7.573.825.000	7.572.186.523	1.638.477	0	0
	- Kinh phí thường xuyên		5.355.033.000	1.867.311.000	7.222.344.000	7.222.344.000	0		
	- Kinh phí không thường xuyên		24.354.000	327.127.000	351.481.000	349.842.523	1.638.477	0	0
	+ Nguồn 12		24.354.000	21.855.000	46.209.000	46.209.000			
	+ Nguồn 15			99.516.000	99.516.000	97.877.523	1.638.477		
	+ Nguồn 18 (tiền thưởng theo NĐ 73)			205.756.000	205.756.000	205.756.000	0		
	- Kinh phí CCTL		919.047.000	-919.047.000					
2	Nguồn thu được để lại	338.363		169.518.000	169.856.363	167.376.903	2.479.460	2.479.460	
	Thu học phí (kể cả cấp bù)	338.363		169.518.000	169.856.363	167.376.903	2.479.460	2.479.460	

B	TRƯỜNG THCS TRẦN HƯNG ĐẠO								
I	NĂM 2023	238.037.946	5.828.815.000	563.188.000	6.630.040.946	6.557.969.665	72.071.281	72.071.281	0
1	Kinh phí NSNN cấp	110.847.000	5.828.815.000	356.158.000	6.295.820.000	6.284.742.640	11.077.360	11.077.360	0
	- Kinh phí thường xuyên (MN 13)		5.685.021.000	100.969.000	5.785.990.000	5.785.990.000	0	0	0
	- Kinh phí không thường xuyên		36.665.000	158.153.000	194.818.000	183.740.640	11.077.360	11.077.360	0
	+ Nguồn 12		36.665.000	63.000.000	99.665.000	99.665.000	0		
	+ Nguồn 15			95.153.000	95.153.000	84.075.640	11.077.360	11.077.360	
	- Kinh phí CCTL (MN 14)	110.847.000	107.129.000	97.036.000	315.012.000	315.012.000	0		
2	Nguồn thu được để lại	127.190.946		207.030.000	334.220.946	273.227.025	60.993.921	60.993.921	0
	Thu học phí (kể cả cấp bù)	127.190.946		207.030.000	334.220.946	273.227.025	60.993.921	60.993.921	
	+ Thu học phí			200.340.000					
	+ Ngân sách cấp bù NĐ 81			6.690.000					
II	NĂM 2024	72.071.281	7.169.373.000	1.382.608.000	8.624.052.281	8.397.277.413	226.774.868	196.227.203	10.827.040
1	Kinh phí NSNN cấp	11.077.360	7.169.373.000	1.172.833.000	8.353.283.360	8.284.784.320	68.499.040	57.672.000	10.827.040
	- Kinh phí thường xuyên (MN 13)		6.048.132.000	1.920.312.000	7.968.444.000	7.968.444.000	0		
	- Kinh phí không thường xuyên	11.077.360	96.338.000	277.424.000	384.839.360	316.340.320	68.499.040	57.672.000	10.827.040
	+ Nguồn 12	11.077.360	96.338.000	-6.418.000	100.997.360	90.170.320	10.827.040		10.827.040
	+ Nguồn 15			73.733.000	73.733.000	16.061.000	57.672.000	57.672.000	
	+ Nguồn 18			210.109.000	210.109.000	210.109.000	0		
	- Kinh phí CCTL (MN 14)		1.024.903.000	-1.024.903.000					
2	Nguồn thu được để lại	60.993.921		209.775.000	270.768.921	132.213.718	138.555.203	138.555.203	
	Thu học phí (kể cả cấp bù)	60.993.921		209.775.000	270.768.921	132.213.718	138.555.203	138.555.203	
	+ Thu học phí			203.850.000					
	+ Ngân sách cấp bù NĐ 81			5.925.000					
C	TRƯỜNG THCS PHAN CHÂU TRINH								
I	NĂM 2023	106.457.040	4.798.440.000	340.477.000	5.245.374.040	5.235.916.000	9.458.040	4.838.040	4.620.000
1	Kinh phí NSNN cấp	80.631.000	4.798.440.000	243.037.000	5.122.108.000	5.117.488.000	4.620.000	0	4.620.000
	- Kinh phí thường xuyên (MN 13)		4.685.671.000	46.889.000	4.732.560.000	4.732.560.000	0	0	0
	- Kinh phí không thường xuyên	0	32.980.000	12.560.000	45.540.000	40.920.000	4.620.000	0	4.620.000
	+ Nguồn 12		32.980.000		32.980.000	28.360.000	4.620.000		4.620.000

	+ Nguồn 15			12.560.000	12.560.000	12.560.000	0		
	- Kinh phí CCTL (MN 14)	80.631.000	79.789.000	183.588.000	344.008.000	344.008.000	0		
2	Nguồn thu được để lại	25.826.040		97.440.000	123.266.040	118.428.000	4.838.040	4.838.040	0
	Thu học phí (kể cả cấp bù)	25.826.040		97.440.000	123.266.040	118.428.000	4.838.040	4.838.040	
II	NĂM 2024	4.838.040	4.850.957.000	1.864.388.000	6.720.183.040	6.682.439.793	37.743.247	36.348.247	1.395.000
1	Kinh phí NSNN cấp	0	4.850.957.000	1.751.273.000	6.602.230.000	6.569.946.700	32.283.300	30.888.300	1.395.000
	- Kinh phí thường xuyên (MN 13)		4.825.022.000	1.508.207.000	6.333.229.000	6.333.229.000	0		
	- Kinh phí không thường xuyên	0	25.935.000	243.066.000	269.001.000	236.717.700	32.283.300	30.888.300	1.395.000
	+ Nguồn 12		25.935.000	17.535.000	43.470.000	42.075.000	1.395.000		1.395.000
	+ Nguồn 15			51.224.000	51.224.000	20.335.700	30.888.300	30.888.300	
	+ Nguồn 18			174.307.000	174.307.000	174.307.000			
	- Kinh phí CCTL (MN 14)		826.300.000	-826.300.000					
2	Nguồn thu được để lại	4.838.040		113.115.000	117.953.040	112.493.093	5.459.947	5.459.947	
	Thu học phí (kể cả cấp bù)	4.838.040		113.115.000	117.953.040	112.493.093	5.459.947	5.459.947	

Ghi chú: UBND huyện Núi Thành (cũ) có Quyết định số 3225/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 về điều chỉnh tính chất nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2024 từ nguồn 14 sang nguồn 13; cấp bổ sung sau khi trừ 40% CCTL từ nguồn thu học phí, trong đó:

- + Trường THCS Lê Lợi số tiền 919.047.000 đồng (10% tạo nguồn CCTL của đơn vị 89.479.000 đồng và ngân sách cấp bổ sung 829.568.000 đồng)
- + Trường THCS Trần Hưng Đạo số tiền 1.024.903.000 đồng (10% tạo nguồn CCTL của đơn vị 103.020.000 đồng và ngân sách cấp bổ sung 921.883.000 đồng)
- + Trường THCS Phan Châu Trinh số tiền 826.300.000 đồng (10% tạo nguồn CCTL của đơn vị 75.853.000.000 đồng và ngân sách cấp bổ sung 750.447.000 đồng)

Ước



Phụ lục III:

TỔNG HỢP NỘI DUNG CHI TỪ NGUỒN KINH PHÍ CẤP VÀ NGUỒN THU HỌC PHÍ

(Kèm theo Kết luận thanh tra số: 2379/KLTT-TTTP ngày 05 tháng 8 năm 2026
của Chánh Thanh tra thành phố Đà Nẵng)

Đ.V.T: đồng

Stt	Nguồn kinh phí	Năm		Tổng
		2023	2024	
A	TRƯỜNG THCS LÊ LỢI			
1	Kinh phí NSNN cấp	6.037.346.000	7.572.186.523	13.609.532.523
	- Kinh phí thường xuyên	5.652.684.000	7.222.344.000	12.875.028.000
	+ Chi thanh toán cá nhân (lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương ...)	5.035.622.590	6.607.598.331	11.643.220.921
	+ Chi nghiệp vụ chuyên môn (thanh toán dịch vụ công cộng; vật tư văn phòng; thông tin tuyên truyền liên lạc, chi phí thuê mướn)	387.946.130	387.520.175	775.466.305
	+ Chi mua sắm, sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn	159.333.000	203.780.494	363.113.494
	+ Chi khác	69.782.280	23.445.000	93.227.280
	- Kinh phí không thường xuyên	384.662.000	349.842.523	734.504.523
	+ Chi hỗ trợ cho học sinh	16.200.000	20.220.000	36.420.000
	+ Chi thanh toán cá nhân (lương hợp đồng giáo viên và tiền thưởng theo NĐ 73)		245.374.523	245.374.523
	+ Chi nghiệp vụ chuyên môn	83.580.000	57.146.000	140.726.000
	+ Chi sửa chữa phòng, lớp học	282.542.000	23.985.000	306.527.000
	+ Chi khác	2.340.000	3.117.000	5.457.000
2	Nguồn thu học phí	198.232.163	167.376.903	365.609.066
	+ Chi thanh toán cá nhân	96.658.000	67.630.000	164.288.000
	+ Chi nghiệp vụ chuyên môn	75.844.163	67.813.883	143.658.046
	+ Chi sửa chữa	24.080.000	13.783.020	37.863.020
	+ Chi khác	1.650.000	18.150.000	19.800.000
B	TRƯỜNG THCS TRẦN HƯNG ĐẠO			
1	Kinh phí NSNN cấp	6.284.742.640	8.284.784.320	14.569.526.960

	- Kinh phí thường xuyên	6.101.002.000	7.968.444.000	14.069.446.000
	+ Chi thanh toán cá nhân (lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương ...)	5.476.530.231	6.990.347.933	12.466.878.164
	+ Chi nghiệp vụ chuyên môn (Thanh toán dịch vụ công cộng; vật tư văn phòng; thông tin tuyên truyền liên lạc, chi phí thuê mướn)	425.909.269	665.301.340	1.091.210.609
	+ Chi mua sắm, sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn	189.532.500	306.744.727	496.277.227
	+ Chi khác	9.030.000	6.050.000	15.080.000
	- Kinh phí không thường xuyên	183.740.640	316.340.320	500.080.960
	+ Chi hỗ trợ cho học sinh	19.660.000	28.420.000	48.080.000
	+ Chi thanh toán cá nhân (lương hợp đồng giáo viên và tiền thưởng theo NĐ 73)		230.579.320	230.579.320
	+ Chi nghiệp vụ chuyên môn	40.940.640	51.416.000	92.356.640
	+ Chi mua sắm, sửa chữa phòng, lớp học	116.450.000		116.450.000
	+ Chi khác	6.690.000	5.925.000	12.615.000
2	Nguồn thu học phí	273.227.025	132.213.718	405.440.743
	+ Chi thanh toán cá nhân	207.387.425	92.454.000	299.841.425
	+ Chi nghiệp vụ chuyên môn	33.997.600	24.849.000	58.846.600
	+ Chi sửa chữa	26.442.000	3.300.000	29.742.000
	+ Chi khác	5.400.000	11.610.718	17.010.718
C	TRƯỜNG THCS PHAN CHÂU TRINH			
1	Kinh phí NSNN cấp	5.117.488.000	6.569.946.700	11.687.434.700
	- Kinh phí thường xuyên	5.076.568.000	6.333.229.000	11.409.797.000
	+ Chi thanh toán cá nhân (lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương ...)	4.631.658.800	5.798.593.186	10.430.251.986
	+ Chi nghiệp vụ chuyên môn (Thanh toán dịch vụ công cộng; vật tư văn phòng; thông tin tuyên truyền liên lạc, chi phí thuê mướn)	324.517.700	357.864.814	682.382.514
	+ Chi mua sắm, sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn	106.863.500	167.091.000	273.954.500
	+ Chi khác	13.528.000	9.680.000	23.208.000
	- Kinh phí không thường xuyên	40.920.000	236.717.700	277.637.700
	+ Chi hỗ trợ cho học sinh	14.970.000	19.454.700	34.424.700
	+ Chi thanh toán cá nhân ((tiền thưởng theo NĐ 73, ...)		191.227.000	191.227.000

	+ Chi nghiệp vụ chuyên môn		14.036.000	14.036.000
	+ Chi mua, bảo trì phần mềm (quản lý ngân sách, tiền lương, tài sản, kế toán)	25.950.000	12.000.000	37.950.000
	+ Chi khác	0	0	0
2	Nguồn thu học phí	118.428.000	112.493.093	230.921.093
	+ Chi thanh toán cá nhân	61.862.000	54.114.093	115.976.093
	+ Chi nghiệp vụ chuyên môn	56.566.000	58.379.000	114.945.000
	+ Chi sửa chữa	0	0	0
	+ Chi khác	0	0	0

Uoah